Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Building a better working world

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh xăng, dầu, và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 3 chi nhánh sau đây:

- Chi nhánh Hà Nội tại số 3, Lô B, Tổ 102, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; và
- Chi nhánh Đà Nẵng tại số 430 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Trương Quốc Hưng	Thành viên	
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016
Ông Tô Hữu Hùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Holland Patrick Thomas	Thành viên	từ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Nguyễn Trọng Phúc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Phan Trọng Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông De Mecquenem Alexis	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016
Ông Lê Cao Khánh	Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 3 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Quốc Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Quốc Hưng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng kèm theo này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập như trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SÔNG MIỀN NAM

Trương Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61280423/18689108

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 16 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một doanh nghiệp kiểm toán khác, phát hành ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 22 tháng 3 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300[illegible] - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM - QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**292.751.301.323**	**249.486.987.722**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***35.349.008.393***	***161.855.168.821***
111	1. Tiền		18.533.008.393	35.535.168.821
112	2. Các khoản tương đương tiền		16.816.000.000	126.320.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***192.424.870.000***	***51.687.500.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	192.424.870.000	51.687.500.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	***6***	***54.894.073.710***	***24.386.885.469***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		39.744.168.765	24.604.091.289
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.290.545.414	170.017.214
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		24.924.470.087	13.707.441.799
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.065.110.556)	(14.094.664.833)
140	***IV. Hàng tồn kho***		***10.023.349.220***	***11.204.611.375***
141	1. Hàng tồn kho	7	10.023.349.220	11.204.611.375
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***60.000.000***	***352.822.057***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	60.000.000	60.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	292.822.057
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**716.817.173.382**	**690.773.324.443**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***15.000.000***	***41.572.818***
216	1. Phải thu dài hạn khác		15.000.000	41.572.818
220	***II. Tài sản cố định***		***189.402.869.150***	***193.508.510.119***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	184.200.524.150	188.306.165.119
222	Nguyên giá		331.556.801.079	321.497.226.851
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(147.356.276.929)	(133.191.061.732)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.202.345.000	5.202.345.000
228	Nguyên giá		5.202.345.000	5.202.345.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***14.682.855.134***	***3.955.009.448***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	14.682.855.134	3.955.009.448
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***12***	***506.084.044.490***	***487.582.617.308***
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	26.316.724.000	7.788.724.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.2	162.331.403.276	162.331.403.276
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	320.997.266.614	321.023.839.432
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.561.349.400)	(3.561.349.400)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***6.632.404.608***	***5.685.614.750***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	5.865.126.668	5.685.614.750
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	767.277.940	-
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.009.568.474.705**	**940.260.312.165**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**169.860.277.897**	**136.128.111.687**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***103.259.354.584***	***77.579.798.006***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.589.456.842	2.570.337.205
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		550.001.056	90.049.096
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.151.294.055	8.153.288.542
314	4. Phải trả người lao động		2.785.099.383	602.490.948
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		703.964.113	164.016.999
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	59.492.000.632	55.954.021.041
320	7. Vay ngắn hạn	15	33.956.571.389	957.906.970
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.030.967.114	9.087.687.205
330	***II. Nợ dài hạn***		***66.600.923.313***	***58.548.313.681***
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	7.177.600.000	2.592.000.000
338	2. Vay dài hạn	15	55.586.933.613	55.956.313.681
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		3.836.389.700	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**839.708.196.808**	**804.132.200.478**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***16***	***839.708.196.808***	***804.132.200.478***
411	1. Vốn cổ phần		671.000.000.000	671.000.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*671.000.000.000*	*671.000.000.000*
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		36.493.891.802	36.493.891.802
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		49.565.919.026	49.565.919.026
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		82.648.385.980	47.072.389.650
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*13.522.389.650*	*5.112.295.053*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*69.125.996.330*	*41.960.094.597*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.009.568.474.705**	**940.260.312.165**

Phạm Quang Minh	Trịnh Văn Quý	Trương Quốc Hưng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	17.1	**173.261.738.084**	**168.179.229.154**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	17.1	**(3.441.630.931)**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	17.1	**169.820.107.153**	**168.179.229.154**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	18, 22	**(147.786.579.922)**	**(124.621.576.260)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**22.033.527.231**	**43.557.652.894**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	17.2	**75.549.233.670**	**17.548.718.560**
22	**7. Chi phí tài chính**	19, 22	**(4.865.848.774)**	**427.475.674**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(886.364.137)*	*(328.662.303)*
26	**8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	20, 22	**(16.952.388.929)**	**(15.689.254.581)**
30	**9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**75.764.523.198**	**45.844.592.547**
31	**10. Thu nhập khác**	21	**450.026.163**	**5.270.117.610**
32	**11. Chi phí khác**	21	**(4.153.898.906)**	**(236.590.170)**
40	**12. (Lỗ) lợi nhuận khác**		**(3.703.872.743)**	**5.033.527.440**
50	**13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**72.060.650.455**	**50.878.119.987**
51	**14. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	23.2	**(3.701.932.065)**	**(8.918.025.390)**
52	**15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	23.3	**767.277.940**	**-**
60	**16. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**69.125.996.330**	**41.960.094.597**

Phạm Quang Minh	Trịnh Văn Quý	Trương Quốc Hưng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**72.060.650.455**	**50.878.119.987**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	15.080.699.690	15.503.850.956
03	Các khoản dự phòng		5.806.835.423	487.376.074
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		688.374.904	1.441.726.692
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(71.588.874.434)	(17.548.718.560)
06	Chi phí lãi vay	19	886.364.137	(1.939.901.660)
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**22.934.050.175**	**48.822.453.489**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(24.522.397.649)	5.301.038.486
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.189.227.609	(2.469.969.185)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		10.434.060.715	(37.158.819.427)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(179.511.918)	690.672.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(681.614.137)	(368.066.103)
15	Thuế TNDN đã nộp	13	(10.017.530.530)	(2.913.697.610)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.056.720.091)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh**		**(7.900.435.826)**	**11.903.611.650**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(25.657.913.855)	(6.117.429.003)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		110.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(273.737.370.000)	(1.687.500.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		133.000.000.000	12.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(18.528.000.000)	(26.572.818)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		67.816.649.806	17.548.718.560
30	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư**		**(116.996.634.049)**	**21.717.216.739**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	74.509.869.422	7.431.359.240
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	15	(42.571.752.896)	(4.064.220.436)
36	Cổ tức đã trả	16.3	(33.550.000.000)	(25.430.900.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(1.611.883.474)**	**(22.063.761.196)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(126.508.953.349)**	**11.557.067.193**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**161.855.168.821**	**150.298.101.628**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.792.921	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**35.349.008.393**	**161.855.168.821**

Phạm Quang Minh	Trịnh Văn Quý	Trương Quốc Hưng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh xăng, dầu, và dầu nhờn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 3 chi nhánh sau đây:

- Chi nhánh Hà Nội tại số 3, Lô B, Tổ 102, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;
- Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thì Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội; và
- Chi nhánh Đà Nẵng tại số 430 Nguyễn Tri Phương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 322 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 359).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu bao gồm hàng hóa, với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu trừ theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.5 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 6 năm

3.6 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ Luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.15 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	120.493.275	452.840.470
Tiền gửi ngân hàng	18.412.515.118	35.082.328.351
Các khoản tương đương tiền	16.816.000.000	126.320.000.000
TỔNG CỘNG	**35.349.008.393**	**161.855.168.821**

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,5%/năm đến 6%/năm đối với các khoản tiền gửi bằng VND và 0%/năm đối với khoản tiền gửi bằng USD.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi có kỳ hạn *(i)*	57.424.870.000	51.687.500.000
Ủy thác đầu tư *(ii)*	135.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	**192.424.870.000**	**51.687.500.000**

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 6,0% đến 6,5% một năm. Trong đó, Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng *(Thuyết minh số 15.2)*.

(ii) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB đầu tư với thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2016 nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán và các giấy tờ có giá tại Việt Nam.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**39.744.168.765**	**24.604.091.289**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	*16.738.263.492*	*7.653.943.158*
Công ty TNHH Than Tân Phù Đổng	*5.743.434.493*	*5.004.675.791*
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	*4.487.059.450*	*4.487.059.450*
Khách hàng khác	*12.775.411.330*	*7.458.412.890*
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**6.290.545.414**	**170.017.214**
Trong đó:		
Công ty TNHH MTV Thương mại M.H.P	*3.793.888.000*	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phước Thịnh	*1.267.200.000*	-
Công ty TNHH Sản xuất Cơ khí Trường Thịnh	*700.240.200*	-
Người bán khác	*529.217.214*	*170.017.214*
Phải thu ngắn hạn khác	**24.924.470.087**	**13.707.441.799**
Trong đó:		
Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý	*16.134.815.723*	*12.508.531.348*
Phải thu lãi hoạt động ủy thác đầu tư	*5.974.236.111*	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	*1.602.514.420*	-
Phải thu ngắn hạn khác	*1.212.903.833*	*1.198.910.451*
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	**(16.065.110.556)**	**(14.094.664.833)**
GIÁ TRỊ THUẦN	**54.894.073.710**	**24.386.885.469**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu kỳ	14.094.664.833	12.214.255.874
Dự phòng trích lập trong năm	1.970.445.723	1.899.318.385
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(18.909.426)
Số cuối kỳ	16.065.110.556	14.094.664.833

Nợ xấu

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	6.463.918.325	-	6.463.918.325	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	4.487.059.450	-	4.487.059.450	-
Công ty TNHH Xi măng Sơn Hồng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Khác	4.204.264.080	90.131.299	2.143.687.058	-
TỔNG CỘNG	**16.155.241.855**	**90.131.299**	**14.094.664.833**	-

7. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Hàng hóa	8.565.187.827	10.632.260.269
Nguyên liệu, vật liệu	1.287.620.441	508.698.820
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	170.540.952	63.652.286
TỔNG CỘNG	**10.023.349.220**	**11.204.611.375**

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	60.000.000	60.000.000
Dài hạn		
Phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp	4.994.942.750	5.685.614.750
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	870.183.918	-
TỔNG CỘNG	**5.925.126.668**	**5.745.614.750**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá					
Số đầu năm	205.407.377.481	17.395.392.363	97.669.356.096	1.025.100.911	321.497.226.851
Mua mới trong năm	10.059.058.721	916.000.000	-	-	10.975.058.721
Thanh lý trong năm	-	-	(873.791.839)	(41.692.654)	(915.484.493)
Số cuối năm	215.466.436.202	18.311.392.363	96.795.564.257	983.408.257	331.556.801.079
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*10.476.193.364*	*6.727.365.531*	*11.547.842.813*	*736.350.638*	*29.487.752.346*
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	65.044.129.469	12.048.782.645	55.242.441.329	855.708.289	133.191.061.732
Khấu hao trong năm	7.652.999.419	1.304.199.735	6.072.430.540	51.069.996	15.080.699.690
Thanh lý trong năm	-	-	(873.791.839)	(41.692.654)	(915.484.493)
Số cuối năm	72.697.128.888	13.352.982.380	60.441.080.030	865.085.631	147.356.276.929
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	140.363.248.012	5.346.609.718	42.426.914.767	169.392.622	188.306.165.119
Số cuối năm	142.769.307.314	4.958.409.983	36.354.484.227	118.322.626	184.200.524.150

Công ty đã sử dụng các phương tiện vận tải với tổng giá trị còn lại là 15.805.792.230 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết của các khoản vay này được thể hiện tại *Thuyết minh số 15.2*.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại các địa điểm sau:

- Quyền sử dụng đất tại số 1461 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ở với Công ty TNHH Liên doanh Phú Mỹ Hưng ("PMH") ngày 20 tháng 6 năm 2009. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất từ PMH sang Công ty.
- Quyền sử dụng đất tại số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ngày 7 tháng 7 năm 1999.

  Ngày 21 tháng 7 năm 2011, Công ty nhận được Quyết định số 3573/QĐ-UBND từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Công ty được sử dụng khu đất này dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tiếp tục sử dụng làm văn phòng và ủy quyền cho Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác định tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp.

  Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Công ty nhận được tờ trình số 572/TTr-TVC-HĐTĐGTP từ Tổ chuyên viên trình Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt, theo đó chi phí sử dụng đất được ước tính là 11.185.314.538 VND.

  Từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty không nhận thêm bất kỳ văn bản nào khác từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chi phí sử dụng đất phải nộp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Công ty đã không ghi nhận khoản nợ phải trả với số tiền nêu trên trong báo cáo tài chính riêng và đồng thời chưa tiến hành trích hao mòn cho giá trị quyền sử dụng đất nêu trên.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tàu chở hàng	14.571.109.942	-
Khác	111.745.192	3.955.009.448
TỔNG CỘNG	**14.682.855.134**	**3.955.009.448**

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Đầu tư vào các công ty con	26.316.724.000	-	7.788.724.000	-
Đầu tư vào các công ty liên kết	162.331.403.276	(3.561.349.400)	162.331.403.276	(3.561.349.400)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	320.997.266.614	-	321.023.839.432	-
TỔNG CỘNG	**509.645.393.890**	**(3.561.349.400)**	**491.143.966.708**	**(3.561.349.400)**

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	*Giá gốc VND*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc VND*
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình *(i)*	Xây dựng	Đang hoạt động	86,15	22.938.648.000	83,25	4.410.648.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ *(ii)*	Đóng tàu	Đang hoạt động	70,00	3.032.988.000	70,00	3.032.988.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam *(iii)*	Xây dựng	Đang hoạt động	51,00	345.088.000	51,00	345.088.000
TỔNG CỘNG				**26.316.724.000**		**7.788.724.000**

(i) Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của ECCO là xây dựng các công trình dân dụng. ECCO có trụ sở đăng ký tại số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2016, cổ đông của ECCO đã phê duyệt việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của ECCO với giá phát hành là 20.000 VND/cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:2 (mỗi cổ đông nắm giữ 1 cổ phiếu sẽ nhận được quyền mua 2 cổ phiếu phát hành thêm), tương đương với 1.057.600 cổ phiếu được phát hành thêm. Vào ngày 15 tháng 12 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 926.400 cổ phiếu của ECCO với giá trị là 18.528.000.000 VND theo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") của Công ty. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong ECCO tăng từ 83,25% lên 86,15%.

(ii) Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Đóng tàu Cần Thơ là cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi. Đóng tàu Cần Thơ có trụ sở đăng ký tại số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

(iii) Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATMES là xây dựng các công trình dân dụng. SOWATMES có trụ sở đăng ký tại số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 *Đầu tư vào các công ty liên kết*

Tên công ty liên doanh, liên kết	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	*Giá gốc VND*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc VND*
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 *(i)*	Dịch vụ cảng	Đang hoạt động	37,00	155.730.813.876	37,00	155.730.813.876
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 *(ii)*	Xây dựng	Đang hoạt động	49,00	3.561.349.400	49,00	3.561.349.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam *(iii)*	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	26,27	3.039.240.000	26,27	3.039.240.000
TỔNG CỘNG				**162.331.403.276**		**162.331.403.276**

(i) Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT") là một doanh nghiệp liên doanh được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư ("GPĐT") số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VICT là xây dựng và kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container. VICT có trụ chính tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 2900751997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCO-ECO 747 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. SOWATCO-ECO 747 có trụ sở đăng ký tại số 161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

(iii) Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCOSER là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. SOWATCOSER có trụ sở đăng ký tại số 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.3 *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Giá gốc khoản đầu tư	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị VND	*% sở hữu*	*Giá trị VND*	*% sở hữu*
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco *(*)*	320.184.141.975	16,00	320.184.141.975	16,00
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0,05	440.000.000	0,05
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Dịch vụ Vận tải thủy Miền Nam	373.124.639		373.124.639	
Khác	-		26.572.818	
TỔNG CỘNG	**320.997.266.614**		**321.023.839.432**	

(*) Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco ("Keppel Land Watco") là một doanh nghiệp liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Luật Đầu tư Nước ngoài theo Giấy phép đầu tư ("GPĐT") số 626/GP do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 19 tháng 6 năm 1993 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Keppel Land Watco là sở hữu và phát triển khu văn phòng và căn hộ cho thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh để tạo thu nhập từ hoạt động cho thuê và các dịch vụ khác. Keppel Land Watco có trụ sở chính tại Lầu 4, Tòa nhà Saigon Centre, số 65 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của HĐQT về việc thoái vốn tại Keppel Land Watco.

Theo Quyết định của HĐQT ngày 28 tháng 6 năm 2016, HĐQT thông qua việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Keppel Land Watco và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng và các văn bản có liên quan đến việc chuyển nhượng nói trên.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng*	*Giảm*	*Số cuối năm*
Thuế TNDN	7.745.369.609	3.701.932.065	(10.017.530.530)	1.429.771.144
Thuế thu nhập cá nhân	407.918.933	978.572.397	(1.184.769.220)	201.722.110
Thuế giá trị gia tăng	-	15.918.915.269	(15.399.114.468)	519.800.801
Khác	-	6.011.024.015	(6.011.024.015)	-
TỔNG CỘNG	**8.153.288.542**	**26.610.443.746**	**(32.612.438.233)**	**2.151.294.055**

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Phải trả cho thuyền viên	24.912.326.061	25.456.284.059
Nhận ký quỹ	6.977.298.847	6.999.435.534
Doanh thu chưa thực hiện	5.093.817.573	5.867.969.435
Phải trả hãng tàu	2.478.502.377	2.652.317.134
Bảo hiểm thuyền viên	1.435.607.113	811.482.989
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 24)*	204.750.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.389.698.661	14.166.531.890
	59.492.000.632	55.954.021.041
Dài hạn		
Nhận ký quỹ từ thuyền viên	6.593.100.000	1.687.500.000
Nhận ký quỹ thuê nhà và thuê sân bãi	584.500.000	904.500.000
	7.177.600.000	2.592.000.000
TỔNG CỘNG	**66.669.600.632**	**58.546.021.041**

15. VAY

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn		
Vay ngắn hạn các bên liên quan	32.900.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.056.571.389	957.906.970
	33.956.571.389	957.906.970
Dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng	55.586.933.613	55.956.313.681
TỔNG CỘNG	**89.543.505.002**	**56.914.220.651**

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

VND

	Vay ngắn hạn	*Vay dài hạn*	*Tổng cộng*
Số đầu kỳ	957.906.970	55.956.313.681	56.914.220.651
Tiền thu từ đi vay	74.509.869.422	-	74.509.869.422
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	1.060.547.893	(1.060.547.893)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(42.571.752.896)	-	(42.571.752.896)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	691.167.825	691.167.825
Số cuối kỳ	**33.956.571.389**	**55.586.933.613**	**89.543.505.002**

15.1 Vay ngắn hạn các bên liên quan

Công ty có khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động *(Thuyết minh số 24)*. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Bên liên quan	*Số cuối năm* *VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất* *(%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	17.900.000.000	Từ ngày 1 tháng 3 năm 2017 đến ngày 16 tháng 3 năm 2017	6,0	Tín chấp
Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam	15.000.000.000	Ngày 14 tháng 2 năm 2017	6,0	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**32.900.000.000**			

15. VAY (tiếp theo)

15.2 *Vay dài hạn ngân hàng*

Công ty có các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*		*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND	*USD*		*%/năm*	
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II					
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR") *(i)*	50.000.306.160	2.256.433	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	0,68	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 15.805.792.230 VND *(Thuyết minh số 9)* và tiền gửi kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND *(Thuyết minh số 5)*
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF") *(ii)*	6.643.198.842	299.797	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,00	
TỔNG CỘNG	**56.643.505.002**	**2.556.230**			
Trong đó					
Vay dài hạn	*55.586.933.613*				
Vay dài hạn đến hạn trả	*1.056.571.389*				

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính ("BTC") và Công ty, BTC sẽ cho Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB chấp thuận, chi tiết như sau:

(i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.

(ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 *Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ dự phòng tài chính*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước						
Số đầu năm	671.000.000.000	24.800.111.094	11.693.780.708	49.565.919.026	33.403.158.208	790.462.969.036
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	41.960.094.597	41.960.094.597
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(25.430.900.000)	(25.430.900.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	(2.826.448.829)	(2.826.448.829)
Phân loại lại	-	11.693.780.708	(11.693.780.708)	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(33.514.326)	(33.514.326)
Số cuối năm	671.000.000.000	36.493.891.802	-	49.565.919.026	47.072.389.650	804.132.200.478
Năm nay						
Số đầu năm	671.000.000.000	36.493.891.802	-	49.565.919.026	47.072.389.650	804.132.200.478
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	69.125.996.330	69.125.996.330
Cổ tức đã công bố *(*)*	-	-	-	-	(33.550.000.000)	(33.550.000.000)
Số cuối năm	671.000.000.000	36.493.891.802	-	49.565.919.026	82.648.385.980	839.708.196.808

(*) Công ty đã công bố và trả cổ tức năm 2015 bằng tiền tại mức 5% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2016 ngày 21 tháng 4 năm 2016.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	67.100.000	67.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	67.100.000	67.100.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND (2015: 10.000 VND).

16.3 Cổ tức

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm	33.550.000.000	25.430.900.000

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

		VND
	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**173.261.738.084**	**168.179.229.154**
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*142.219.028.893*	*133.231.421.593*
Doanh thu bán hàng hóa	*31.042.709.191*	*34.947.807.561*
Khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	*(3.441.630.931)*	-
Doanh thu thuần	**169.820.107.153**	**168.179.229.154**
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*142.219.028.893*	*133.231.421.593*
Doanh thu bán hàng hóa	*27.601.078.260*	*34.947.807.561*
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	*66.508.648.657*	*54.461.933.898*
Doanh thu đối với khách hàng khác	*103.311.458.496*	*113.717.295.256*

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức và lợi nhuận được chia	68.608.659.937	10.341.640.943
Lãi tiền gửi	6.784.740.400	7.207.077.617
Lãi cho vay	155.833.333	-
TỔNG CỘNG	**75.549.233.670**	**17.548.718.560**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	121.047.699.272	92.048.259.871
Giá vốn của hàng hóa đã bán	26.738.880.650	32.573.316.389
TỔNG CỘNG	**147.786.579.922**	**124.621.576.260**

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi trả chậm	2.863.763.406	-
Chi phí lãi vay	886.364.137	328.662.303
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	688.374.904	1.463.080.632
Hoàn nhập lãi vay trích vượt các năm trước	-	(2.268.563.963)
Chi phí tài chính khác	427.346.327	49.345.354
TỔNG CỘNG	**4.865.848.774**	**(427.475.674)**

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân công	6.321.580.546	9.033.649.581
Trợ cấp thôi việc	4.122.683.275	1.443.782.175
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	1.970.445.723	1.880.408.959
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	1.865.672.000	1.981.581.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.611.004	318.448.285
Chi phí khác	2.473.396.381	1.031.384.490
TỔNG CỘNG	**16.952.388.929**	**15.689.254.581**

21. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**450.026.163**	**5.270.117.610**
Tiền thu từ bán phế liệu	267.807.271	-
Xử lý các khoản nợ không phải trả	-	4.982.841.274
Xử lý tài sản thừa	-	120.778.179
Các khoản khác	182.218.892	166.498.157
Chi phí khác	**(4.153.898.906)**	**(236.590.170)**
Chi phí xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	(3.947.043.994)	-
Các khoản khác	(206.854.912)	(236.590.170)
(Lỗ) lợi nhuận khác	**(3.703.872.743)**	**5.033.527.440**

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.706.578.114	25.391.185.571
Chi phí nhân công	45.525.607.856	39.750.326.879
Giá vốn hàng hóa đã bán	26.778.698.326	32.573.316.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định *(Thuyết minh số 9)*	15.080.699.690	15.503.850.956
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu	8.834.324.524	11.185.208.424
Chi phí khác	20.813.060.341	15.906.942.622
TỔNG CỘNG	**164.738.968.851**	**140.310.830.841**

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.701.932.065	8.918.025.390
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(767.277.940)	-
TỔNG CỘNG	**2.934.654.125**	**8.918.025.390**

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**72.060.650.455**	**50.878.119.987**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	14.412.130.091	11.193.186.397
Các khoản điều chỉnh:		
Các chi phí không được trừ	789.408.799	-
Cổ tức nhận được	(12.266.884.765)	(2.275.161.007)
Chi phí thuế TNDN	**2.934.654.125**	**8.918.025.390**

23.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Dự phòng trợ cấp thôi việc	767.277.940	-	767.277.940	-

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	64.928.012.294	54,461,933,898
		Nhận cổ tức	37.520.653.564	9.760.077.560
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Bên liên quan	Vay	40.000.000.000	-
		Cho vay	33.000.000.000	-
		Thu cho vay	33.000.000.000	-
		Trả nợ gốc vay	25.000.000.000	-
		Cung cấp dịch vụ	1.580.636.363	-
		Lãi vay	192.666.667	-
		Lãi cho vay	155.833.333	-
Công ty Liên doanh Keppel Land Watco	Bên liên quan	Nhận cổ tức	19.080.049.045	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	Công ty con	Vay	17.900.000.000	-
		Nhận cổ tức	350.000.000	440.220.000
		Lãi vay	87.250.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	Công ty con	Nhận cổ tức	323.721.217	87.664.083
Công ty Cổ phần Dịch vụ xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	Công ty con	Chi hộ	419.228.183	-
		Nhận cổ tức	60.000.000	53.679.300

24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	8.150.809.761	376.210.755
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.032.456.670	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	478.057.289	458.605.814
Đóng tàu Cần Thơ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	355.208.264	355.208.264
SOWATMES	Công ty con	Chi hộ	257.813.183	-
			16.738.263.492	**7.653.943.158**
Vay ngắn hạn				
ECCO	Công ty con	Vay	17.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Bên liên quan	Vay	15.000.000.000	-
			32.900.000.000	**-**
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Bên liên quan	Lãi vay	117.500.000	-
ECCO	Công ty con	Lãi vay	87.250.000	-
			204.750.000	**-**

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám Giám đốc như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lương, thù lao và thưởng	1.200.100.000	969.900.000

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	4.308.761.452	4.404.761.452
Trên 1 - 5 năm	3.201.086.946	7.726.686.334
TỔNG CỘNG	**7.509.848.398**	**12.131.447.786**

26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm nay, chi tiết như sau:

VND

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	*Ảnh hưởng của phân loại lại*	*Số đầu năm (được phân loại lại)*
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	482.515.545.251	(320.184.141.975)	162.331.403.276
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	839.697.457	320.184.141.975	321.023.839.432
Vay ngắn hạn	-	957.906.970	957.906.970
Vay dài hạn	56.914.220.651	(957.906.970)	55.956.313.681
	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	*Ảnh hưởng của phân loại lại*	*Năm trước (được phân loại lại)*
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(1.687.500.000)	(1.687.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	10.312.500.000	1.687.500.000	12.000.000.000

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng.

Phạm Quang Minh	Trịnh Văn Quý	Trương Quốc Hưng
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2017